

### Bài thứ Ba Mươi Sáu

五 子 者

**Ngũ:** năm **Tử:** các người hiền, người có đức hạnh, tài năng, viết sách *Tử*  
**Giả:** ấy là .

有 荀 楊  
**Hữu:** có **Tuân:** sách *Tuân* **Dương:** sách *Dương*

文 中 子

**Văn Trung Tử:** sách *Văn Trung Tử*

及 老 莊  
**Cập:** đến, và **Lão:** Ông *Lão Tử* **Trang:** Ông *Trang Tử*

#### Diễn âm

**Ngũ Tử giả, hữu Tuân Dương, Văn Trung Tử, cập Lão Trang.**

#### Diễn nghĩa

*Năm sách Tử là: Sách của họ Tuân, sách của họ Dương, Sách của Thầy Văn Trung Tử, và sách của họ Lão, sách của họ Trang .*

*Ngũ Tử: năm sách của 5 nhà sau đây :*

- 1.- Tuân Khanh:** người nước Sở về cuối đời nhà Châu, làm hai thiên sách *Tuân Tử*.
- 2.-Dương Hùng:** người quận Thành Đô đời Hán làm hai bộ sách *Thái Huyền* và *Pháp môn*.
- 3.-Văn Trung Tử:** họ Vương, tên Thông, người đời Tuỳ, làm hai sách *Huyền Kinh* và *Trung thuyết*.
- 4.-Lão tử:** họ Lý tên Nhĩ người đời Đông Châu, làm **Đạo đức Kinh**.
- 5.-Trang Tử:** tên Châu, người nước Sở, đời Đông Châu, làm bộ **Nam Hoa Kinh**.

### Bài thứ Ba Mươi Bảy

經 子 通

**Kinh:** các sách *Kinh* **Tử:** các sách *Tử* **Thông:** đi suốt qua

讀 諸 史  
**Độc:** đọc **Chư:** các **Sử:** sách chép việc đã qua

考 世 系

**Khảo:** tra xét **Thế:** đời ( chừng 30 năm ) **Hệ:** có quan hệ ràng buộc với nhau

知 終 始  
Tri: biết Chung: sau hết Thủy: trước tiên

#### Diễn âm

**Kinh tử thông, độc chư sử, khảo thế hệ, tri chung thủy (thử).**

#### Diễn nghĩa

Khi Kinh, Truyện và Tử thông rồi, hãy đọc các Sử, tra xét mối quan hệ các đời, biết chuyện đời từ trước tới sau.

Sử gồm có **Huyền sử** và **Lịch sử**. **Huyền sử** là sử của **Huyền thoại**, của các truyền kỳ, nó là quá khứ và tương lai của các dân tộc. Nước ta và Tàu có cùng chung một gốc Văn hoá, tuy có tiểu dị, nhưng cùng chung đại đồng. **Những nhân vật Huyền sử được chép trong sách Tàu truy ra là những anh hùng Văn hoá của đại chủng Việt.** Đây là **Văn hoá Nông nghiệp** khác một phần với **Văn hóa Du mục của Tàu**. **Huyền sử** là sử của Thời sáng tạo văn hoá, nên vô cùng quan trọng, vì đó là **Hồn Nước Hồn của dân tộc**, còn **Lịch sử là sự hưng vong của đất nước qua các thời đại**.

#### Bài thứ Ba Mười Tám

自 義 農  
Tự: từ Hi: Phục Hi Nông: Thần Nông

至 皇 (白王) 帝  
Chí: đến Hoàng đế: Vua Hoàng Đế (Tàu)

號 三 黃 (共田)  
Hiệu: gọi là Tam: ba Hoàng: vua

居 上 世  
Cư: ở Thượng: trên hết Thế: đời

#### Diễn âm

**Tự Hi, Nông, Chí Hoàng đế, hiệu Tam Hoàng, cư thượng thế.**

#### Diễn nghĩa

**Phục Hi, Thần Nông, Hoàng đế**, được gọi là **Tam Hoàng**, là các đời vua trên hết.

Về Huyền sử Trung Hoa cổ đại gồm 3 giai đoạn là Tam hoàng, Ngũ Đế và Tam Đại:

- 1.- **Tam Hoàng: Toại Nhân, Phục Hi & Nữ Oa, Thần Nông.**
- 2.- **Ngũ Đế: Hoàng đế, chuyên Húc, Đế Cốc, Đế Nghiêu, Đế Thuấn.**
- 3.- **Tam Đại: Nhà Hạ ( Vũ ) – 2205.Nhà Thương ( Thành thang ) – 1766. Nhà Châu ( Chu: Vũ Văn, Chu Công ) - 1122 .**

Đây là cách xếp theo **Tư Mã Quang**, còn **Tư Mã Thiên** lại cho **Hoàng Đế** vào **Tam Hoàng**.

**Toại nhân** tạo ra lửa để sưởi ấm, nấu nướng và đốt rẫy để gieo trồng, nên là **nhân vật Huyền thoại Nông nghiệp**.

**Phục Hi** làm ra kính Dịch với hai nét đứt và liền, rồi chồng hai nét lên nhau thành ra Tứ tượng, rồi chồng lên một nét nữa thành ra quẻ đơn có 3 vạch.

**Phục Hi** cầm cái **Quy đo 4 góc** ( Không gian: **Vuông** ), được gọi là **ông Tứ tượng**. **Phục Hi** có hiệu là **Thanh Tinh là Rồng xanh**, nên có họ máu với **Rồng ( Lạc Long )** .

**Nữ Oa** là vợ của Phục Hi, có hình hai ông bà nối đuôi với nhau, Bà cầm cái **Củ để đo Vòng tròn** ( Thời gian ), nấu đá ngũ sắc để vá trời, hầu làm cho vị trí Ngũ hành được cân đối trở lại.

**Thần Nông** là **ông Tổ của nông nghiệp**, là **nhân vật Huyền thoại của nền Văn hoá Nông nghiệp** .

**Nước ta là một nước nông nghiệp lâu đời** , có thể móc nối với **Tổ Tiên của nền Văn hoá Nông nghiệp Hoà bình cách nay từ 12,000 đến 33,000 năm** .

Vậy chúng ta nhận Tam Hoàng là những nhân vật Huyền thoại của nền Văn hoá Nông nghiệp không phải là hành động bừa bãi , thấy sang bắt quàng làm họ .

Thực ra các vị đó là **những anh hùng của nền Văn hoá nông nghiệp chung cho cả vùng Đông Á** , không riêng gì Việt Nam .

Nếu **đặt Hoàng đế** vào Tam Hoàng , thì ta thấy có sự không ổn , ví **Hoàng đế là dân Du mục từ Tây Bắc đến** , là **giống da trắng** , nên **chữ Hoàng viết với hai chữ bạch ( trắng ) và vương ( vua: 皇 : 白 + 王 )** .

**Còn Toại nhân , Phục Hi & Nữ Oa, Thần Nông** đều có gốc Nông nghiệp , nên chữ Hoàng được viết gồm hai chữ cộng ( thêm , có ) và chữ điền ( ruộng ) ( 黄 : 共田 ) nghĩa là những người cày ruộng thì phải lẽ hơn .

Các vị **Tổ** trước gặp trong sách được **cho là của Tàu như Nghiêu Thuấn mới có trong Sử** sau **Khổng Tử** , **Phục Hi** , **Nữ Oa** , **Thần Nông** toàn là người **Di** cũng gọi là **Thanh tinh tức Rồng xanh ( Rồng là Di )** , **Nữ Oa** đầu người mình rắn (**Di**) , **Thần Nông** thân người đầu trâu ( **nông nghiệp** ) . Những nhân vật càng cổ thì được đưa vào sử càng muộn , thí dụ **Bàn Cổ** lâu nhất vì mở đầu lịch sử toàn vùng thì mới được đưa vào đời **Tam Quốc do Từ Chỉnh** trong cuốn : **Tam Ngũ lược kỷ** . **Bàn** là họ đứng đầu người **Việt Đông ( Origins 459 )** Theo lưu truyền thì mồ mả còn đâu đó trên rừng núi Quảng Đông . **Vậy Bàn Cổ là Tổ họ khai quốc Việt Nam 2879** . Bàn cũng đọc là **Bành là Bàn, là Ban, Man, Mân, Môn, Mana, Mã Lai , Mongol . . .** đều tự **Bàn Cổ** mà ra , chỉ có cách đọc là khác . **Đây mới là liên hệ tên** , chứ nếu kể đến liên hệ Văn hoá thì toàn cõi **Đông Á** không đâu ra khỏi đại chủng **Việt** .

### Bài thứ Ba Mười Chín

唐 有 虞

Đường: nhà Đường HỮU NGU : nhà HỮU NGU

號 二 帝



### Diễn nghĩa

**Vua Vũ nhà Hạ, vua Thang nhà Thương, vua Văn với vua Võ nhà Chu ( Châu ), xưng là ba đời Vương ( vua )**

**Vương** : vua, có ý nghĩa được thiên hạ quy phục.

**Vua Vũ nhà Hạ** thay Đế Thuấn làm vua được 7 năm ( - 2205 - -2198 )

**Vua Thành Thang nhà Thương** làm vua được 29 năm ( - 1783 - - 1754 )

**Vua Văn vương họ Cơ tên Xương, con là vua Võ vương.** Khi làm vua, phong cho cha là Văn vương.

**Vua Võ vương tên Phát, con trưởng của Văn vương, đánh nhà Thương lấy thiên hạ làm vua 18 năm ( - 1134 – - 1116 )**

### Bài thứ Bốn Mười Một

夏 傳 子

**Hạ:** nhà Hạ **Truyền:** trao ( ngôi ) cho **Tử:** con

家 天 下

**Gia:** ( của ) nhà **Thiên:** trời, tự nhiên **Hạ:** Ở dưới

四 百 載

**Tứ:** bốn **Bách:** trăm **Tải:** Năm (Chịu người ta giao cho, Chở đồ nặng

)

遷 夏 社

**Thiên:** Dời đi chỗ khác **Hạ:** nhà Hạ **Xã:** Đoàn thể nhiều người họp

thành

### Diễn âm

**Hạ truyền tử, Gia thiên hạ, Tứ bách tải ( tải ), thiên Hạ xã .**

### Diễn nghĩa

**Nhà Hạ truyền ngôi vua cho con, lấy thiên hạ làm nhà, được bốn trăm năm, thì nền xã ( chế độ ) nhà Hạ bị đổi dời.**

**Thiên hạ:** dưới trời, nghĩa là toàn thể thế giới, người Tàu gọi thiên hạ là cả nước.

**Vua Đại Vũ nhà Hạ** thay vì truyền hiền lại truyền ngôi cho con ( truyền tử ).

**Nhà Hạ** được 17 đời ( - 2205 - -1786 ) .

**Nền xã cũng được gọi là xã tắc, trước đó thì nhà vua cúng tế Thần nông, đời Thần Nông thì trồng lúa nước, lúa nước là phát minh của Việt tộc, tức là của Viêm Việt , Bách Việt, Lạc Việt , Việt Nam.**

**Còn lúa tắc là lúa trồng trên cạn của dân Du mục, nhà Hạ bỏ lễ tế Thần Nông mà tế ông Hậu Tắc, do đó mà xã hội cũng có tên là Xã tắc. Nhưng đến nhà Thanh trở lại tế Thần Nông.**

## Bài thứ Bốn Mươi Hai

湯 伐 夏  
Thang: Vua Thành Thang Phạt: đánh Hạ :nhà Hạ

國 號 商  
Quốc: nước Hiệu: tên hiệu Thương: nhà Thương

六 百 載  
Lục: sáu Bách: trăm Tải: năm

至 紂 亡  
Chí: đến Trụ: vua Trụ Vong: mất

### Diễn âm

Thang phạt Hạ, quốc hiệu Thương, lục bách tải, chí Trụ vong.

### Diễn nghĩa

Vua Thang đánh nhà Hạ, đặt tên nước là **Thương**, nhà Thương cai trị sáu trăm năm, đến vua Trụ thì dứt.

Đời vua chót nhà Hạ là Kiệt, hoang dâm bạo ngược, vua Thành Thang nhà Thương đánh đuổi đi, nhà Thương cai trị 661 năm ( - 1783 – 1122 )

Đời vua chót của nhà Thương là Trụ, hoang dâm bạo ngược, bị vua Võ nhà Châu đánh giết.

## Bài thứ Bốn Mươi Ba

周 武 王  
Chu: nhà Chu Võ: ( vua ) Võ Vương: vua

始 誅 紂  
Thỉ ( thủy ): bắt đầu, mới Tru: giết Trụ: vua Trụ

八 百 載  
Bát: tám Bách: trăm Tải: năm

最 長 久  
Tối: rất Trường: dài Cửu: lâu

### Diễn âm

**Chu Võ vương, tử tru Trụ, bát bách tải, tối trường cửu.**

### Diễn nghĩa

*Vua Võ vương nhà Chu mới giết vua Trụ, nhà Chu trị vì tám trăm năm, rất là dài lâu.*

*Nhà Chu khởi đầu từ Võ vương (Đinh Mẹo), đời chót tới Noãn vương ( Giáp Dần ), được 878 năm ( - 1134 - - 256 ).*

*Nhà Chu từ đời vua Võ vương, đóng kinh đô tại đất Cảo, gọi là Tây Chu, vì đất Cảo ở về phía Tây. Đến đời vua thứ 13 là Bình vương, bị rợ Tây Nhung lấn, phải dời kinh đô qua đất Lạc tại phía Đông năm – 770 , gọi là Đông Chu.*

### Bài thứ Bốn mươi tư

周 轍 東

**Chu:** nhà Chu **Triệt :** dấu bánh xe **Đông :** phía Đông

王 綱 墜

**Vương:** nghiệp vương **Cương :** rường mối **Truy:** Ở trên roi xuống

逞 干 戈

**Sính:** múa me, khoái ý **Can:** cái mộc để đỡ giáo mác **Qua :** Mác, binh khí đời xưa

尚 游 說

**Thượng:** chuộng **Du:** Đi chơi **Thuyết:** nói rõ ra

### Diễn âm

**Chu triệt Đông, vương cương truy, sinh can qua ( 1 ), thượng du thuyết ( 2 ) .**

### Diễn nghĩa

*Nhà Chu dời kinh đô qua miền Đông ( vết xe nhà Chu lăn qua Đông ), rường mối nghiệp vương roi xuống, các chư hầu ham hồ việc chiến tranh, hàng trí thức ưa chuộng việc du thuyết.*

*Du thuyết: lấy tài ăn nói, đi nơi này nơi khác biện thuyết để chinh phục lòng người hoặc vận động với kẻ cầm quyền theo đường lối cai trị của mình.*

( 1 ) Các nước chư hầu ham mê việc đánh nhau.

( 2 ) Các nhà thuyết khách đi xúi dục các vua chư hầu mưu này chước nọ.

*Nhà Đông Chu từ năm 48 đời Bình vương cho tới năm 38 đời Kính vương , cho tới năm 58 đời Noãn vương ( -256 ), nhà Chu mất về Tần, gọi là đời Chiến Quốc nghĩa là các nước chư hầu đánh nhau.*

**Bài thứ Bốn Mười Lăm**

始 春 秋

Thỉ ( thủy ): trước từ Xuân Thu: đời Xuân Thu

終 戰 國

Chung: sau tới Chiến Quốc: đời Chiến quốc

五 霸 強

Ngũ: năm Bá: Lãnh tụ các nước Chu Hầu Cường: mạnh

七 雄 出

Thất: bảy Hùng: người có sức mạnh Xuất: ra

嬴 秦 氏

Doanh: Gánh vác, (tiền lời) Tần: nhà Tần Thị: họ

始 兼 併

Thủy: lần đầu Kiên: gồm Tinh: ( tính ): thu

傳 二 世

Truyền: trao lại Nhị: hai Thế: đời

**Diễn âm**

Thủy Xuân Thu, chung Chiến quốc, Ngũ Bá cường, Thất Hùng xuất.

Doanh Tần thị, Thủy kiên tinh, truyền nhị thế.

**Diễn nghĩa**

Trước từ đời Xuân Thu, sau tới đời Chiến Quốc, năm nghiệp Bá mạnh, bảy nước Hùng ra. Họ Doanh Tần gồm thu lại, truyền được hai đời.

Năm nghiệp Bá là: Tề Hoàn, Tấn Văn, Tống Tương, Tần Mục, Sở Trang, năm vua Chu Hầu nối nhau làm chủ thiên hạ.

Bảy nước hùng là: Hàn, Ngụy, Triệu, Yên, Tề, Sở, Tần. Thuở ấy bao nhiêu nước chư hầu nhỏ yếu đều bị nuốt vào 7 nước lớn và mạnh ấy.

Nhà Tần nguyên là họ Doanh, dòng giống ông Bá Ế, đời vua Ngu Thuấn, đến đời Phi Tử được vua Hiếu vương nhà Chu phong làm nước Phụ Dung, hiệu là Tần.

Qua năm 17 đời Châu Bình vương ( - 753 ), Văn công đánh được rợ Tây Nhung ở đất Kỳ, vua Bình vương nhượng đất Tây Chu cho mà phong làm tước Bá, lần lần cường thịnh, tới đời Lữ Chánh ( con Lã Bát Vi ), gồm thu 6 nước và đánh diệt Tây Chu, lấy cả thiên hạ



làm vua, gọi là **Tần Thủy Hoàng**. Nhà Tần được hai đời: **Thủy Hoàng Đế**, **Nhị thế Hoàng Đế**, trị vì 39 năm ( - 246 - -207 ).